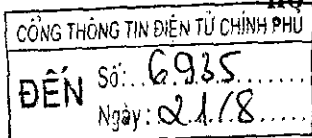


Số: 1794/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 14 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 2, Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh



Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 187/TTr-SNN-NN ngày 02 tháng 7 năm 2013),

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 2, Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Điều 1. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“Điều 2. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại từ 30% trở lên:

a) Thiệt hại do thiên tai

- Diện tích gieo cấy lúa thuần bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30 - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

- Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30 - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

- Diện tích lúa lai bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30 - 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha;

- Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30 - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

- Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30 - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

- Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30 - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

b) Thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm

- Thiệt hại do bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa: Mức và nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53/2010/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính để thực hiện phòng, trừ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa.

- Thiệt hại do bệnh chổi rồng hại nhãn: Mức và nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Công văn số 498/TTg-KTN ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ phòng chống bệnh chổi rồng hại nhãn và Công văn số 7372/BTC-NSNN ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc chính sách hỗ trợ phòng chống dập dịch chổi rồng hại nhãn.

2. Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm:

a) Thiệt hại do thiên tai: cứ thiệt hại 1 con vật nuôi (kể cả vật nuôi thương phẩm và con giống) được hỗ trợ:

- Lợn hỗ trợ 750.000 đồng/con;
- Trâu, bò, ngựa hỗ trợ 4.000.000 đồng/con;
- Hươu, nai, cừu, dê hỗ trợ: 2.000.000 đồng/con;
- Gia cầm hỗ trợ: Gà, vịt, ngan, ngỗng: 20.000 đồng/con; Chim cút, chim bồ câu: 10.000 đồng/con.

b) Thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm: Mức và nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản:

a) Diện tích nuôi cá truyền thống bị thiệt hại từ 30 – 50%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 50 – 70%, hỗ trợ 7.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến bị thiệt hại từ 30 – 50%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 50 – 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

c) Diện tích nuôi tôm bán thâm canh bị thiệt hại từ 30 – 50%, hỗ trợ 3.500.000 đồng/ha; thiệt hại trên 50 – 70%, hỗ trợ 4.500.000 đồng/ha; thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 6.500.000 đồng/ha;

d) Diện tích nuôi tôm sú thâm canh bị thiệt hại từ 30 – 50%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 50 – 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 70% hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha.

đ) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh bị thiệt hại từ 30 – 50%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 50 – 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

e) Diện tích nuôi ngao, nghêu, hào bị thiệt hại từ 30 – 50%, hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 50 – 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha;

g) Diện tích nuôi cá tra, cá ba sa bị thiệt hại từ 30 – 50%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 50 – 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha;

h) Lồng, bè nuôi bị thiệt hại bị thiệt hại từ 30 – 50%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/100m³ lồng; thiệt hại trên 50 – 70%, mức hỗ trợ 7.000.000 đồng/100m³ lồng; thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/100m³ lồng;

Các đối tượng nuôi khác bị thiệt hại thì căn cứ phương thức nuôi, đối tượng nuôi, mật độ thả nuôi theo định mức, thiệt hại thực tế về giống, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề xuất mức hỗ trợ cụ thể cho các hộ nuôi thủy sản cùng nhóm đối tượng nhưng không vượt quá mức hỗ trợ theo quy định trên gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản thì mức hỗ trợ tương đương mức hỗ trợ bằng tiền được quy đổi theo giá tại thời điểm hỗ trợ”.

Điều 2. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Thiên tai

a) Trong vòng 03 ngày sau khi xảy ra thiên tai do bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, xâm nhập mặn và trong vòng 20 ngày đối với thiên tai do hạn hán, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình thiên tai, vùng bị thiên tai, số hộ, diện tích (đối với cây trồng, nuôi trồng thủy sản), số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại, mức hỗ trợ thiệt hại.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác minh, thẩm định và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố loại thiên tai cụ thể trên phạm vi địa bàn bị thiệt hại (đơn vị xã, phường, thị trấn)”.

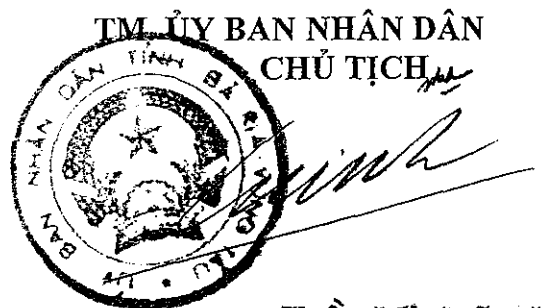
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các chính sách hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm theo quy định tại Quyết định này được thực hiện kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2012.

Giữ nguyên hiệu lực thi hành đối với các nội dung khác quy định tại Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra Văn bản);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Website Chính phủ;
- TTr TU, TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT và các ủy viên UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, S3₂₂₇ (35b)



Trần Minh Sanh